

PHÒNG GD&ĐT NAM TRỰC
TRƯỜNG MN NAM HÙNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Biểu mẫu 01

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	80% - 90% đạt loại tốt	95% - 98% đạt loại tốt
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Tốt	Tốt
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	80% - 90% đạt loại tốt	95% - 98% đạt loại tốt
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Tốt	Tốt

Nam Hùng, ngày 30 tháng 09 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị


Nguyễn Thị Thúy

Biểu mẫu 02
THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	323	0	7	44	75	100	97
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0			
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0			
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày		0	7	44			
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập			0	0			
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	310	0	4	34	75	100	97
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe		0	7	44	75	100	97
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng		0	7	44	75	100	97
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	312	0	7	44	70	97	94
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	11	0	0	0	5	3	3
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	313	0	7	44	71	96	95
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	10	0	0	0	4	4	2
5	Số trẻ thừa cân béo phì	3	0	0	0	1	1	1
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	51	0	7	44			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	272				75	100	97

Nam Hùng, ngày 30 tháng 09 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Thúy

Biểu mẫu 03
THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	14	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	2	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	3439	7,6
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	939	2,09
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	660	2,04
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	236	0,73
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	442	1,37
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	60	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	3	1
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	9	1
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	12	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	2	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		11		0,2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

Nam Hùng, ngày 30 tháng 09 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Thúy

PHÒNG GD&ĐT NAM TRỰC
TRƯỜNG MN NAM HÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Biểu mẫu 04

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non

Năm học 2021 – 2022

[illegible]

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
5.1	Nhân viên nấu ăn	4			1		1	2							
5.2	Nhân viên bảo vệ	2						2							

Nam Hùng, ngày 30 tháng 09 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Thúy